

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 43

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103003556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 7 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 11 năm 2008 với mã chứng khoán là NBB.

Hoạt động kinh doanh chính đăng ký của Công ty là đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tòa nhà Carina Plaza, số 1648 Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 4 chi nhánh hạch toán phụ thuộc sau:

- Chi nhánh Bình Thuận, đăng ký tại Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
- Chi nhánh Tây Nam, đăng ký tại C7-TTMM, Đường Bà Triệu, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.
- Chi nhánh Miền Bắc, đăng ký tại Tổ 1, Khu phố 6, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Chi nhánh Quảng Ngãi, đăng ký tại Tổ dân phố Trường Thọ Đông, Phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Tường Triệu	Chủ tịch
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên
Ông Louis T. Nguyễn	Thành viên
Ông Hoàng Hữu Tương	Thành viên
Ông Chong Kuan Yew	Thành viên
Ông Nguyễn Phi Thường	Thành viên
Ông Hoàng Thanh Tùng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Trưởng ban
Ông Võ Hoàng Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Tường Triệu

Giám đốc Điều hành

Ông Mai Thanh Trúc

Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Thanh Quyết

Quyền Giám đốc Dự án

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Tường Triệu.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám Đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 11.1 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Đoàn Tường Triệu
Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61283494/18742038 - LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Building a better
working world**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 23 tháng 3 năm 2016. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 28 tháng 8 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.154.076.228.717	2.981.736.812.654
110	I. Tiền	4	20.659.043.235	13.044.855.286
111	1. Tiền		20.659.043.235	13.044.855.286
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		918.482.590.143	844.842.883.199
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	38.138.801.158	42.127.211.905
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	128.845.709.729	28.609.944.570
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	26	569.326.515.555	584.600.150.272
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	182.881.375.187	191.615.387.938
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(709.811.486)	(2.109.811.486)
140	III. Hàng tồn kho	8	2.208.579.279.700	2.116.669.858.464
141	1. Hàng tồn kho		2.208.579.279.700	2.116.669.858.464
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		6.355.315.639	7.179.215.705
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		21.363.120	466.405.807
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.333.952.519	6.553.144.911
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	159.664.987
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		679.223.582.112	210.867.069.747
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		110.305.872.753	67.911.961.927
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	110.305.872.753	67.911.961.927
220	II. Tài sản cố định		17.001.708.368	18.415.089.876
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	17.001.708.368	18.415.089.876
222	Nguyên giá		34.482.975.560	34.482.975.560
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(17.481.267.192)	(16.067.885.684)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	551.554.494.807	123.942.494.807
251	1. Đầu tư vào công ty con		585.420.315.000	155.420.315.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		4.579.636.245	4.579.636.245
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		800.000.000	3.188.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(39.245.456.438)	(39.245.456.438)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		361.506.184	597.523.137
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		361.506.184	597.523.137
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.833.299.810.829	3.192.603.882.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

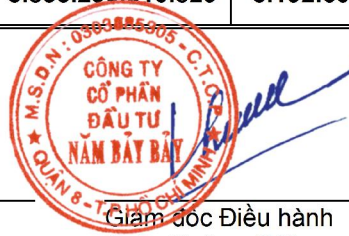
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.636.547.768.972	1.955.665.397.640
310	I. Nợ ngắn hạn		1.170.854.736.727	586.671.433.619
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.465.908.288	4.976.338.727
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	34.509.337.978	35.499.119.160
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	16.520.856.539	20.662.876.596
314	4. Phải trả người lao động	14	112.993.077	853.628.568
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	48.760.462.177	14.604.948.312
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	738.647.819.882	198.435.556.258
320	7. Vay ngắn hạn	17	300.757.000.000	288.279.271.598
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	26.080.358.786	23.359.694.400
330	II. Nợ dài hạn		1.465.693.032.245	1.368.993.964.021
331	1. Phải trả người bán dài hạn	12	3.300.000.000	3.300.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	463.145.824.640	367.811.433.889
338	3. Vay dài hạn	17	789.247.207.605	787.882.530.132
339	4. Trái phiếu chuyển đổi	19	210.000.000.000	210.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.196.752.041.857	1.236.938.484.761
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	1.196.752.041.857	1.236.938.484.761
411	1. Vốn cổ phần	20.2	583.212.000.000	583.212.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		583.212.000.000	583.212.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		385.417.099.032	385.417.099.032
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.891.019.437)	(6.891.019.437)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		131.477.728.497	131.477.728.497
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		103.536.233.765	143.722.676.669
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		92.829.166.282	89.095.717.785
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		10.707.067.483	54.626.958.884
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.833.299.810.829	3.192.603.882.401



Người lập
Nguyễn Văn Minh



Kế toán trưởng
Trương Hải Đăng Khoa



Giám đốc Điều hành
Đoàn Tường Triệu

Ngày 29 tháng 8 năm 2016


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	11.515.585.229	59.824.991.920
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(6.110.319.307)	(34.892.734.466)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.405.265.922	24.932.257.454
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	37.712.025.157	53.689.117.313
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	(26.478.111.130) (26.409.111.130)	(34.776.818.205) (24.317.201.613)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(368.063.354)	(389.403.544)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(4.983.807.479)	(7.752.801.250)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.287.309.116	35.702.351.768
31	9. Thu nhập khác		14.874.091	360.585.771
32	10. Chi phí khác		(451.763.689)	(95.883.571)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác		(436.889.598)	264.702.200
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.850.419.518	35.967.053.968
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(143.352.035)	(4.246.236.248)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.707.067.483	31.720.817.720



Người lập
Nguyễn Văn Minh



Kế toán trưởng
Trương Hải Đăng Khoa




Giám đốc Điều hành
Đoàn Tường Triệu

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

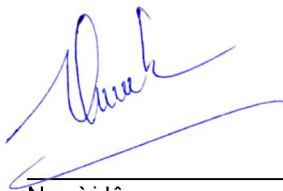
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận trước thuế		10.850.419.518	35.967.053.968
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	10	1.413.381.508	1.632.263.718
03	Hoàn nhập dự phòng		(1.400.000.000)	(954.543.562)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(37.712.025.157)	(54.049.248.538)
06	Chi phí lãi vay	23	26.409.111.130	24.317.201.613
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(439.113.001)	6.912.727.199
09	Tăng các khoản phải thu		(111.373.430.524)	(110.168.944.422)
10	Tăng hàng tồn kho		(91.909.421.236)	(20.995.437.088)
11	Tăng các khoản phải trả		193.312.096.370	34.998.955.715
12	Giảm chi phí trả trước		681.059.640	1.373.504.543
14	Tiền lãi vay đã trả		(27.821.107.082)	(42.063.650.360)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.1	(4.099.374.782)	(18.668.343.972)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(1.627.406.001)	(4.802.079.065)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(43.276.696.616)	(153.413.267.450)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	360.131.225
23	Tiền chi cho vay		(9.739.861.111)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		34.700.000.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.776.000.000	55.765.000.000
27	Lãi và cổ tức được nhận		7.482.556.401	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		37.218.695.290	56.125.131.225
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	116.121.677.473	253.485.148.350
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(102.279.271.598)	(152.566.793.668)
36	Cổ tức đã trả	20.3	(170.216.600)	(1.522.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		13.672.189.275	99.395.854.682

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

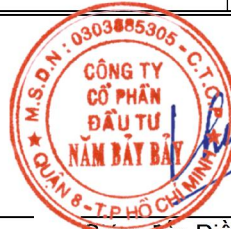
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.614.187.949	2.107.718.457
60	Tiền đầu kỳ		13.044.855.286	7.739.407.656
70	Tiền cuối kỳ	4	20.659.043.235	9.847.126.113



Người lập
Nguyễn Văn Minh



Kế toán trưởng
Trương Hải Đăng Khoa



Giám đốc Điều hành
Đoàn Tường Triệu

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103003556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“KH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 7 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 11 năm 2008 với mã chứng khoán là NBB.

Hoạt động kinh doanh chính đăng ký của Công ty là đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tòa nhà Carina Plaza, số 1648 Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 4 chi nhánh hạch toán phụ thuộc sau:

- Chi nhánh Bình Thuận, đăng ký tại 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
- Chi nhánh Tây Nam, đăng ký tại C7-TTMM, Đường Bà Triệu, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.
- Chi nhánh Miền Bắc, đăng ký tại Tổ 1, Khu phố 6, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Chi nhánh Quảng Ngãi, đăng ký tại Tổ dân phố Trường Thọ Đông, Phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 85 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 88 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày đề ngày 29 tháng 8 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo :

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho khác được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Tài sản khác	3 - 16 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn và chứng khoán kinh doanh

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán căn hộ

Đối với các căn hộ mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua.

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	4.347.511.246	1.141.921.543
Tiền gửi ngân hàng	16.311.531.989	11.902.933.743
TỔNG CỘNG	20.659.043.235	13.044.855.286

Tiền gửi ngân hàng bao gồm 962.880.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 962.880.000 đồng) là số tiền bị phong tỏa tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để đảm bảo chi trả cho việc đền bù, giải phóng mặt bằng tại dự án khu biệt thự đồi Thủy Sản - Quảng Ninh.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ các bên khác	35.556.275.139	39.544.685.886
- Ông Vũ Đình Khôi	27.500.000.000	29.000.000.000
- Các khách hàng dự án Khu dân cư Bạc Liêu	3.066.875.425	4.138.941.705
- Các khách hàng khác	4.989.399.714	6.405.744.181
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 26)	2.582.526.019	2.582.526.019
TỔNG CỘNG	38.138.801.158	42.127.211.905
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(709.811.486)	(709.811.486)
GIÁ TRỊ THUẦN	37.428.989.672	41.417.400.419

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho các bên khác	118.845.709.729	28.609.944.570
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bé tông Tiền Phong	54.999.997.158	-
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Điện Thiên Khang	22.650.385.828	22.650.385.828
- Trung tâm Phát Triển Quỹ Đất dự án khu du lịch Ocean Golf - Lagi	22.539.076.705	550.000.000
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Xây dựng Ái Nghĩa	5.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư 706	3.197.791.051	-
- Khác	10.458.458.987	5.409.558.742
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	10.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	128.845.709.729	28.609.944.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Tạm ứng tiền đền bù dự án khu phức hợp Tân Kiên - Bình Chánh NBB Garden IV (i)	128.893.030.439	128.893.030.439
Tạm ứng tiền đền bù dự án khu căn hộ cao tầng NBB Garden III (i)	23.016.200.000	23.016.200.000
Tạm ứng tiền đền bù dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside (NBB Garden I) (ii)	19.930.500.000	18.907.500.000
Tạm ứng tiền đền bù dự án khu căn hộ cao tầng NBB Garden II (i)	113.825.160	10.113.825.160
Tạm ứng đối thi công xây lắp	-	1.323.833.574
Phải thu khác	10.927.819.588	9.360.998.765
	<u>182.881.375.187</u>	<u>191.615.387.938</u>
Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") (iii)	100.067.648.226	55.273.737.400
Ký quỹ dự án	10.238.224.527	12.638.224.527
	<u>110.305.872.753</u>	<u>67.911.961.927</u>
TỔNG CỘNG	293.187.247.940	259.527.349.865
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.400.000.000)
GIÁ TRỊ THUẬN	293.187.247.940	258.127.349.865
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>100.067.648.226</i>	<i>55.273.737.400</i>
<i>Bên khác</i>	<i>193.119.599.714</i>	<i>204.253.612.465</i>

- (i) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tạm ứng phải thu từ Ông Phạm Văn Đẩu để thực hiện việc đền bù cho các dự án khu căn hộ cao tầng NBB Garden II, NBB Garden III và khu phức hợp Tân Kiên – Bình Chánh NBB Garden IV của Công ty.
- (ii) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tạm ứng phải thu từ Ông Lê Văn Hóa để thực hiện việc đền bù cho dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside (NBB Garden I) của Công ty.
- (iii) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tạm ứng lợi nhuận từ dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside (NBB Garden I) Công ty đã thanh toán cho Công ty CII – đối tác hợp tác đầu tư dự án (Thuyết minh số 16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bất động sản dở dang (i)	2.207.930.805.258	2.116.012.111.295
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	648.474.442	648.474.442
Công cụ, dụng cụ	-	9.272.727
TỔNG CỘNG	<u>2.208.579.279.700</u>	<u>2.116.669.858.464</u>

(i) Bất động sản dở dang bao gồm chi phí đầu tư và phát triển của các dự án sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dự án khu căn hộ cao tầng NBB Garden II (*)	703.467.651.327	672.871.006.444
Dự án khu căn hộ cao tầng NBB Garden III (*)	460.342.328.866	448.562.435.536
Dự án khu phức hợp Tân Kiên - Bình Chánh NBB Garden IV	318.346.081.676	312.049.425.426
Dự án khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	306.049.363.936	279.286.262.876
Dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside (NBB Garden I) (*)	228.044.932.040	219.558.131.236
Dự án khu căn hộ cao tầng City Gate Towers (**)	85.285.156.920	85.285.156.920
Dự án khu dân cư Phường 2, Thành phố Bạc Liêu	33.656.887.446	33.169.463.933
Dự án khu biệt thự đồi Thủy Sản - Quảng Ninh	32.179.259.034	26.590.313.600
Dự án khu đô thị sinh thái Đồn Điền Hạ Long	27.996.328.839	27.756.328.838
Dự án khu du lịch Ocean Golf – Lagi (*)	11.540.087.900	9.860.859.212
Dự án đảo Hồng Ngọc - Quảng Ngãi	1.022.727.274	1.022.727.274
TỔNG CỘNG	<u>2.207.930.805.258</u>	<u>2.116.012.111.295</u>

(*) Các dự án này Công ty hợp tác đầu tư với các bên khác, như được trình bày ở Thuyết minh số 16.

(**) Đây là giá trị mua lại 30% quyền đầu tư dự án khu căn hộ cao tầng City Gate Towers từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”) trong năm 2009. Toàn bộ chi phí trên sẽ được vốn hóa vào dự án City Gate Towers của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh, công ty con của Công ty, sau khi Công ty thực hiện các thủ tục bàn giao quyền sở hữu này về mặt pháp lý cho Hùng Thanh.

Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay của một số dự án được trình bày trên khoản mục bất động sản dở dang của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được thế chấp cho các khoản vay và nợ ngắn hạn cũng như các khoản vay và nợ dài hạn như đã trình bày trong Thuyết minh số 17.1 và Thuyết minh số 17.2.

9. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa một khoản chi phí lãi vay với số tiền là 40.204.666.874 VND (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 37.835.108.637 VND) vào giá trị của các dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

						VND
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015						
và ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>5.163.640.909</u>	<u>11.704.658.119</u>	<u>14.874.671.698</u>	<u>268.452.273</u>	<u>2.471.552.561</u>	<u>34.482.975.560</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	409.090.909	4.746.087.091	2.378.972.000	150.725.000	66.084.065	7.750.959.065
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.192.047.159	6.662.931.899	6.449.758.034	172.726.326	590.422.266	16.067.885.684
Khấu hao trong kỳ	<u>118.863.750</u>	<u>236.992.020</u>	<u>940.404.263</u>	<u>15.278.977</u>	<u>101.842.498</u>	<u>1.413.381.508</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>2.310.910.909</u>	<u>6.899.923.919</u>	<u>7.390.162.297</u>	<u>188.005.303</u>	<u>692.264.764</u>	<u>17.481.267.192</u>
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>2.971.593.750</u>	<u>5.041.726.220</u>	<u>8.424.913.664</u>	<u>95.725.947</u>	<u>1.881.130.295</u>	<u>18.415.089.876</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>2.852.730.000</u>	<u>4.804.734.200</u>	<u>7.484.509.401</u>	<u>80.446.970</u>	<u>1.779.287.797</u>	<u>17.001.708.368</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 11.1)	585.420.315.000	155.420.315.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.2)	4.579.636.245	4.579.636.245
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	800.000.000	3.188.000.000
TỔNG CỘNG	590.799.951.245	163.187.951.245
Dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 11.3)	(39.245.456.438)	(39.245.456.438)
GIÁ TRỊ THUẦN	551.554.494.807	123.942.494.807

11.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ biểu quyết	
	Số cuối năm Vốn đầu tư (VND)	%	Số đầu năm Vốn đầu tư (VND)	%
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trường Thuận Phát	430.000.000.000	99,99	-	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	57.615.315.000	95	57.615.315.000	95
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	47.805.000.000	90	47.805.000.000	90
Công ty Cổ phần Công nghiệp NBB	30.200.000.000	76	30.200.000.000	76
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Hương Trà	19.800.000.000	99	19.800.000.000	99
TỔNG CỘNG	585.420.315.000		155.420.315.000	
Dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty con	(39.245.456.438)		(39.245.456.438)	
GIÁ TRỊ THUẦN	546.174.858.562		116.174.858.562	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trường Thuận Phát (“TTP”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0313629237 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016, và các GCNĐKDN điều chỉnh. TTP có trụ sở tọa lạc Tòa nhà Carina Plaza, 1648 Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của TTP là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. TTP đã được đổi tên thành Công ty TNHH Đất Thủ Thiêm theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 4 ngày 18 tháng 7 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh (“Hùng Thanh”) là một công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4102003918 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 3 năm 2001, và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hùng Thanh có trụ sở tọa lạc tại Tầng 3, Block B, Carina Plaza, Số 1648 Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Hùng Thanh là đầu tư, quản lý các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, kinh doanh nhà và bất động sản.

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi (“QMI”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4300368176 do Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007, và các GCNĐKKD điều chỉnh. QMI có trụ sở tọa lạc tại Lô C1-3, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty QMI là bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác đất cao lanh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp NBB (“NBB”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3203001767 do Sở KH&ĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. NBB có trụ sở tọa lạc tại Lô G, Đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của NBB là sản xuất và kinh doanh các loại lọc dùng cho ô tô.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Hương Trà (“Hương Trà”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4300340364 do Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21 tháng 6 năm 2006, và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hương Trà có trụ sở tọa lạc tại Tổ dân phố Trường Thọ Đông, Phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Hương Trà là bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác đất cao lanh.

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	30 tháng 6 năm 2016			31 tháng 12 năm 2015		
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng
			(%)	(VND)	(VND)	(%)	(VND)	(VND)
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Bất động sản	Đang hoạt động	49	4.579.636.245	-	49	4.579.636.245	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.3 Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	90	47.805.000.000	(9.045.456.438)
Công ty Cổ phần Công nghiệp NBB	76	30.200.000.000	(30.200.000.000)
TỔNG CỘNG			(39.245.456.438)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư An Phát	2.625.020.991	2.625.020.991
Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn Highland	572.912.766	572.912.766
Khác	2.267.974.531	1.778.404.970
	<u>5.465.908.288</u>	<u>4.976.338.727</u>
Dài hạn		
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	3.300.000.000	3.300.000.000
TỔNG CỘNG	<u>8.765.908.288</u>	<u>8.276.338.727</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	3.872.912.766	3.872.912.766
<i>Bên khác</i>	4.892.995.522	4.403.425.961

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Khách hàng dự án khu dân cư Sơn Tịnh Quảng Ngãi	27.516.402.097	28.831.221.765
Khách hàng dự án khu dân cư Phường 2, Thành phố Bạc Liêu	6.992.935.881	6.667.897.395
TỔNG CỘNG	<u>34.509.337.978</u>	<u>35.499.119.160</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.1)	18.594.989.682	143.352.035	(4.099.374.782)	14.638.966.935
Thuế giá trị gia tăng	1.372.056.904	1.254.512.440	(1.215.165.490)	1.411.403.854
Thuế thu nhập cá nhân	506.458.110	354.673.963	(600.317.564)	260.814.509
Thuế tài nguyên	109.766.300	109.521.511	(109.751.667)	109.536.144
Thuế khác	79.605.600	708.526.542	(687.997.045)	100.135.097
TỔNG CỘNG	<u>20.662.876.596</u>	<u>2.570.586.491</u>	<u>(6.712.606.548)</u>	<u>16.520.856.539</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí lãi vay	48.760.462.177	14.473.073.312
Chi phí khác	-	131.875.000
TỔNG CỘNG	<u>48.760.462.177</u>	<u>14.604.948.312</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải trả Công ty CII (i)	490.430.361.322	57.614.474.592
Phải trả cổ tức	108.467.495.000	62.092.271.600
Nhận đặt cọc từ khách hàng dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside (NBB Garden I)	71.059.729.887	-
Phải trả các công ty con	42.663.044.573	42.989.981.141
Phải trả Beira Limited (ii)	11.362.020.175	22.615.907.572
Phải trả cho các đội thi công	4.854.622.326	5.354.622.326
Phải trả Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	4.844.862.685	4.844.862.685
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.965.683.914	2.923.436.342
	<u>738.647.819.882</u>	<u>198.435.556.258</u>
Dài hạn		
Phải trả vốn góp liên doanh (iii)	457.437.907.505	310.519.117.800
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.707.917.135	7.329.226.915
Phải trả chi phí sử dụng vốn	-	49.963.089.174
	<u>463.145.824.640</u>	<u>367.811.433.889</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.201.793.644.522</u>	<u>566.246.990.147</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	960.282.110.775	353.399.834.905
Phải trả cho các bên khác	241.511.533.747	212.847.155.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

- (i) Phải trả Công ty CII bao gồm khoản tiền Công ty đã mượn để hỗ trợ vốn lưu động với lãi suất 10%/năm tính từ ngày mượn tiền và khoản phải trả tiền chuyển nhượng vốn Công ty TNHH Trường Thuận Phát với số tiền lần lượt là 60.430.361.322 VND và 430.000.000.000 VND.
- (ii) Phải trả Beira Limited thể hiện khoản phải trả liên quan đến việc không chuyển đổi 2.600.000 cổ phần ưu đãi sang cổ phần phổ thông vào ngày 7 tháng 10 năm 2013. Theo thỏa thuận giữa Công ty và Beira Limited, tổng số tiền mà Công ty phải trả do không chuyển đổi cổ phần là 62.535.200.000 VND. Công ty đã chi trả 52.167.221.622 VND. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, số dư còn lại chưa được chi trả bao gồm cả tiền lãi phát sinh trong quá trình chậm thanh toán.
- (iii) Chi tiết các khoản phải trả vốn góp hợp tác đầu tư như sau:

Tên dự án	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Hợp tác với Công ty CII - Dự án Diamond Riverside (NBB Garden I) (*)	260.487.200.000	165.987.200.000
Hợp tác với Công ty TNHH Bất động sản Thành Gia - Dự án NBB Garden III (**)	102.590.025.800	102.590.025.800
Hợp tác với Công ty CII - Dự án khu du lịch Ocean Golf – Lagi (***)	44.771.989.705	-
Hợp tác với Ông Phạm Văn Đẩu - Dự án NBB Garden II (****)	42.421.432.000	34.774.632.000
Hợp tác với Ông Lê Văn Hóa - Dự án Diamond Riverside (NBB Garden I) (*****)	7.167.260.000	7.167.260.000
TỔNG CỘNG	<u>457.437.907.505</u>	<u>310.519.117.800</u>

- (*) Công ty hợp tác đầu tư cùng với Công ty CII để hợp tác đầu tư xây dựng khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside (NBB Garden I) tại Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn góp của Công ty và Công ty CII theo tỷ lệ tương ứng là 20% và 80%. Sau khi dự án đầu tư xây dựng hoàn thành và sản phẩm được bán ra, lợi nhuận sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên. Ngoài ra, theo Hợp đồng Chuyển nhượng vốn ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty cam kết ứng trước một khoản lợi nhuận sau thuế tối thiểu phát sinh từ dự án hàng năm cho Công ty CII tính trên số tiền góp vốn đầu tư. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã ứng trước cho Công ty CII số tiền là 100.067.648.226 VND như đã được trình bày ở Thuyết minh số 7.
- (**) Công ty hợp tác đầu tư cùng với Công ty TNHH Bất động sản Thành Gia (“Thành Gia”) theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 11/2012/HD-HTDT ngày 1 tháng 10 năm 2012 để hợp tác đầu tư vào dự án khu căn hộ cao tầng (“NBB Garden III”) tại Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn góp của Công ty và Công ty Thành Gia theo tỷ lệ tương ứng là 63% và 37%. Sau khi dự án đầu tư xây dựng hoàn thành và sản phẩm được bán ra, lợi nhuận sau thuế của dự án được chia theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.
- (***) Công ty hợp tác đầu tư cùng với Công ty CII theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/HDHT-NBB-CII ngày 12 tháng 1 năm 2016 để hợp tác kinh doanh dự án căn hộ nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi tại Thị Xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận. Vốn góp của Công ty và Công ty CII theo tỷ lệ tương ứng là 60% và 40%. Sau khi dự án đầu tư xây dựng hoàn thành và sản phẩm được bán ra, lợi nhuận sau thuế của dự án được chia theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(****) Công ty hợp tác đầu tư với Ông Phạm Văn Đẩu theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 610/2009/HĐ-HTĐT ngày 5 tháng 11 năm 2009 để hợp tác đầu tư xây dựng khu căn hộ cao tầng ("NBB Garden II") tại Ấp 2, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn góp của Công ty và Ông Phạm Văn Đẩu theo tỷ lệ tương ứng là 70% và 30% cho giai đoạn một, giải phóng mặt bằng và thực hiện thủ tục đầu tư. Tỷ lệ vốn góp cho giai đoạn hai, đầu tư xây dựng sẽ được thỏa thuận sau khi các bên cùng thống nhất thông qua thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các hạng mục xây dựng và chi phí liên quan để thực hiện dự án. Sau khi dự án đầu tư xây dựng hoàn thành và sản phẩm được bán ra, lợi nhuận sau thuế của dự án được chia theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

(*****) Công ty hợp tác đầu tư cùng với Ông Lê Văn Hóa theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/HĐ ngày 29 tháng 10 năm 2015 để hợp tác đầu tư phần diện tích đất quy hoạch xây dựng Trường học thuộc dự án Khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside (NBB Garden I), Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi sang một phần diện tích đất ở với diện tích khoảng 5,200 m². Vốn góp của Công ty và Ông Lê Văn Hóa theo tỷ lệ tương ứng là 80% và 20% đối với phần chi phí về đất, các chi phí khác góp theo tỷ lệ mỗi bên 50%. Sau khi dự án hoàn thành, sản phẩm sẽ được chia đều cho mỗi bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tiền thu từ đi vay	Tiền chi trả nợ gốc vay	Kết chuyển sang nợ ngắn hạn đến hạn trả	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
VND					
Vay ngắn hạn					
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2 và 17.3)	287.000.000.000	-	(101.000.000.000)	20.000.000.000	206.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	1.279.271.598	94.757.000.000	(1.279.271.598)	-	94.757.000.000
	<u>288.279.271.598</u>	<u>94.757.000.000</u>	<u>(102.279.271.598)</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>300.757.000.000</u>
Vay dài hạn					
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 17.3)	354.322.000.000	-	-	-	354.322.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	433.560.530.132	21.364.677.473	-	(20.000.000.000)	434.925.207.605
	<u>787.882.530.132</u>	<u>21.364.677.473</u>	<u>-</u>	<u>(20.000.000.000)</u>	<u>789.247.207.605</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.076.161.801.730</u>	<u>116.121.677.473</u>	<u>(102.279.271.598)</u>	<u>-</u>	<u>1.090.004.207.605</u>
Trong đó:					
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 26)	354.322.000.000				354.322.000.000
Vay từ các bên khác	721.839.801.730				735.682.207.605

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 8 ("VietinBank")	<u>94.757.000.000</u>	12 tháng kể từ ngày nhận nợ	Thả nổi bằng lãi suất huy động 12 tháng cộng biên độ lãi suất 4%/năm	Thanh toán chi phí sử dụng vốn dự án Diamond Riverside (NBB Garden I)	Khoản vay được đảm bảo bằng 28 thửa đất nằm trong dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside (diện tích 30.201 m ²) tại phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. **VAY** (tiếp theo)

17.2 **Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i> <i>(%/năm)</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Bình Định	330.925.207.605	5 năm kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2013	Thả nổi từ 10,5	Tài trợ dự án khu dân cư Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án khu dân cư Sơn Tịnh, Quảng Ngãi và Quyền sử dụng đất dự án Khu dân cư Bạc Liêu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	160.000.000.000	3 năm kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2014	Thả nổi từ 9,5	Tài trợ dự án NBB Garden III và NBB Garden II	Quyền sử dụng đất thuộc dự án NBB Garden III tại Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG	<u>490.925.207.605</u>				
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>56.000.000.000</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	<i>434.925.207.605</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.3 Trái phiếu phát hành

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trái phiếu phát hành cho Công ty Creed Investments VN-1 Ltd (i)	354.322.000.000	354.322.000.000
Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (“Ngân hàng VIB”) (ii)	<u>150.000.000.000</u>	<u>250.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>504.322.000.000</u>	<u>604.322.000.000</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>250.000.000.000</i>
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>354.322.000.000</i>	<i>354.322.000.000</i>

(i) Trái phiếu của Công ty với tổng giá trị 600.000.000.000 VND, phát hành ngày 9 tháng 9 năm 2014, được thanh toán một lần toàn bộ gốc khi đáo hạn hoặc trước hạn theo tiến độ thu tiền dự án khu chung cư City Gate Towers nằm trên Đường Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là trái phiếu thường, không có quyền chuyển đổi và có tài sản bảo đảm, mệnh giá trái phiếu là 100.000 VND/trái phiếu. Thời hạn trái phiếu là 3 năm kể từ ngày 9 tháng 9 năm 2014, lãi suất cố định 10%/năm. Mục đích phát hành trái phiếu là để tài trợ vốn cho dự án khu căn hộ cao tầng City Gate Towers. Tài sản đảm bảo bao gồm phần vốn góp của Công ty vào Hùng Thanh, công ty con và giá trị các khoản phải thu và các nguồn thu của Hùng Thanh. Lãi trái phiếu được thanh toán vào ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 của mỗi năm tài chính. Trái chủ là Creed Investments VN-1 Ltd, Cổ đông Công ty.

(ii) Trái phiếu của Công ty với tổng giá trị 400.000.000.000 VND, phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2009, được thanh toán 1 lần toàn bộ gốc khi đáo hạn. Đây là trái phiếu thường, không có quyền chuyển đổi, mệnh giá trái phiếu là 1.000.000.000 VND/trái phiếu. Thời hạn trái phiếu là 4 năm và đáo hạn vào ngày 24 tháng 12 năm 2013. Lãi suất thả nổi với kỳ điều chỉnh lãi suất mỗi sáu (6) tháng tính bằng lãi suất tiết kiệm bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng VIB cộng với biên độ 4%/năm. Trong năm 2013, Công ty đã cơ cấu ngày thanh toán gốc trái phiếu đến ngày 24 tháng 12 năm 2016. Mục đích phát hành trái phiếu là tài trợ vốn cho 3 dự án: khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside (NBB Garden I), khu căn hộ cao tầng NBB Garden II và khu phức hợp Bình Chánh NBB Garden IV. Tài sản đảm bảo bao gồm: Quyền sử dụng đất thuộc dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside (NBB Garden I) tại Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số dư đầu kỳ	23.359.694.400	22.678.437.884
Trích lập trong kỳ	4.348.070.387	3.551.449.015
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.627.406.001)	(4.802.079.065)
Số dư cuối kỳ	<u>26.080.358.786</u>	<u>21.427.807.834</u>

19. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	VND		
<i>Trái chủ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Kỳ hạn (năm)</i>
Amersham Industries Limited	75.000.000.000	8	5
Vietnam Debt Fund SPC	30.000.000.000	8	5
Beira Limited	52.500.000.000	8	5
Bà Phan Diệp Huyền Chi	52.500.000.000	8	5
TỔNG CỘNG	<u>210.000.000.000</u>		
<i>Trong đó:</i>			
<i>Phát hành cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>52.500.000.000</i>		
<i>Phát hành cho các bên khác</i>	<i>157.500.000.000</i>		

Trái phiếu chuyển đổi của Công ty với tổng giá trị 210.000.000.000 VND, phát hành ngày 29 tháng 7 năm 2015. Đây là trái phiếu chuyển đổi có mệnh giá là 1.000.000 VND/trái phiếu, không có tài sản thế chấp và phát hành với mục đích bổ sung nguồn vốn thực hiện các dự án bất động sản của Công ty. Thời hạn trái phiếu là 5 năm kể từ ngày 29 tháng 7 năm 2015, lãi suất cố định 8%/năm. Lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần. Chủ sở hữu trái phiếu có quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần phổ thông của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào sau thời hạn 6 tháng kể từ ngày phát hành trái phiếu. Giá chuyển đổi của trái phiếu tại thời điểm phát hành là 22.500 VND/cổ phần có kèm theo điều khoản điều chỉnh về giá chuyển đổi. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, lãi suất danh nghĩa của trái phiếu chuyển đổi tương đương với lãi suất thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu, do đó, Công ty không ghi nhận giá trị quyền chọn của trái phiếu chuyển đổi.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	583.212.000.000	385.517.099.032	(6.891.019.437)	131.477.728.497	151.178.966.800	1.244.494.774.892
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	31.720.817.720	31.720.817.720
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(58.181.800.000)	(58.181.800.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.551.449.015)	(3.551.449.015)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Khác	-	(100.000.000)	-	-	-	(100.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>583.212.000.000</u>	<u>385.417.099.032</u>	<u>(6.891.019.437)</u>	<u>131.477.728.497</u>	<u>120.816.535.505</u>	<u>1.214.032.343.597</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	583.212.000.000	385.417.099.032	(6.891.019.437)	131.477.728.497	143.722.676.669	1.236.938.484.761
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	10.707.067.483	10.707.067.483
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(46.545.440.000)	(46.545.440.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.348.070.387)	(4.348.070.387)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>583.212.000.000</u>	<u>385.417.099.032</u>	<u>(6.891.019.437)</u>	<u>131.477.728.497</u>	<u>103.536.233.765</u>	<u>1.196.752.041.857</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</u>	
	<i>Tổng số</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
	VND		VND	
Công ty CII	116.298.150.000	19,94	139.977.350.000	24
Deutsche Asset Management (Asia) Limited	78.000.000.000	13,37	78.000.000.000	13,37
Beira Limited	78.000.000.000	13,37	78.000.000.000	13,37
Vietnam Property Holding	42.196.050.000	7,24	42.196.050.000	7,24
Creed Investments VN-1 Ltd	29.050.000.000	4,98	32.100.000.000	5,5
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	10.500.000.000	1,80	10.500.000.000	1,8
Các cổ đông khác	227.773.800.000	39,06	201.044.600.000	34,47
Cổ phiếu quỹ	1.394.000.000	0,24	1.394.000.000	0,24
TỔNG CỘNG	583.212.000.000	100	583.212.000.000	100

20.3 Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	583.212.000.000	583.212.000.000
Cổ tức đã công bố	46.545.440.000	35.721.200.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	170.216.600	1.522.500.000

20.4 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>
Cổ phiếu đã phát hành	58.321.200	58.321.200
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	58.321.200	58.321.200
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>58.321.200</i>	<i>58.321.200</i>
Cổ phiếu quỹ	139.400	139.400
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>139.400</i>	<i>139.400</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	58.181.800	58.181.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>58.181.800</i>	<i>58.181.800</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng doanh thu	11.515.585.229	59.824.991.920
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng</i>	6.965.901.409	55.984.060.627
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	4.549.683.820	3.840.931.293
GIÁ TRỊ THUẦN	11.515.585.229	59.824.991.920

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.130.025.157	21.189.573.751
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	2.388.000.000	1.545.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.194.000.000	-
Lãi từ chuyển nhượng quyền góp vốn	1.000.000.000	-
Lãi từ thanh lý Công ty con	-	30.000.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	954.543.562
TỔNG CỘNG	37.712.025.157	53.689.117.313

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng	3.457.979.424	29.047.394.423
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	3.004.801.322
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	2.652.339.883	2.840.538.721
TỔNG CỘNG	6.110.319.307	34.892.734.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền vay	26.409.111.130	24.317.201.613
Chi phí chuyển nhượng dự án	-	8.181.818.181
Khác	69.000.000	2.277.798.411
TỔNG CỘNG	26.478.111.130	34.776.818.205

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	282.173.297	154.747.116
Khác	85.890.057	234.656.428
	<u>368.063.354</u>	<u>389.403.544</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	3.508.065.935	3.135.703.708
Chi phí khấu hao tài sản cố định	490.317.989	702.231.157
Chi phí vật liệu quản lý	346.582.500	364.552.481
Hoàn nhập dự phòng	(1.400.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.706.130.668	3.301.097.266
Khác	332.710.387	249.216.638
	<u>4.983.807.479</u>	<u>7.752.801.250</u>
TỔNG CỘNG	5.351.870.833	8.142.204.794

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (kỳ trước: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế ước tính:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016			VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	Hoạt động bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	716.760.173	10.133.659.345	10.850.419.518	35.967.053.968
<i>Các điều chỉnh:</i>				
Chi phí không được trừ	-	645.464.365	645.464.365	308.631.272
Cổ tức nhận được	-	(1.194.000.000)	(1.194.000.000)	-
Lợi nhuận thuần điều chỉnh trước thuế chưa cán trừ lỗ năm trước	716.760.173	9.585.123.710	10.301.883.883	36.275.685.240
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(9.585.123.710)	(9.585.123.710)	(16.974.611.385)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	716.760.173	-	716.760.173	19.301.073.855
Thuế TNDN phải trả ước tính	143.352.035	-	143.352.035	4.246.236.248
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	-	-	18.594.989.682	71.517.166.004
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-	(4.099.374.782)	(18.668.343.972)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	-	-	14.638.966.935	57.095.058.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 32.130.930.876 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 42.910.054.586 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ		VND	
			đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	
2013	2018	12.897.960.352 (*)	12.897.960.352	-	-	-
2014	2019	57.911.996.799 (*)	24.587.065.923	-	33.324.930.876	
TỔNG CỘNG		70.809.957.151	37.485.026.275	-	33.324.930.876	

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế trên do không ước tính chắc chắn lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Công ty Cổ phần Công Nghiệp NBB	Công ty con	Cho vay vốn	300.000.000	8.090.560.154
		Phí hỗ trợ sản xuất kinh doanh	-	1.167.131.099
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con	Lãi vay	28.764.517.500	19.025.376.667
		Thu hồi tiền cho vay	25.722.826.287	3.652.707.658
		Cho vay vốn	3.644.812.958	76.593.233.411
		Phí quản lý	2.727.272.728	90.000.000
		Tiền điện, nước và thuê văn phòng	1.440.512.964	-
Công ty CII	Cổ đông lớn	Mua công ty con	430.000.000.000	-
		Góp vốn đầu tư dự án	139.271.989.705	-
		Tạm ứng lợi nhuận dự án	94.483.375.464	-
		Trả lãi vay	2.815.886.730	1.941.615.064
		Chuyển nhượng công ty con	-	40.000.000.000
		Tiền vay nhận được	-	57.612.000.000
		Trả tiền gốc vay	-	50.750.000.000
Chuyển trả cổ tức	-	1.000.000.000		
Beira Limited	Cổ đông lớn	Trả lãi vay	2.134.334.762	848.373.304
		Lãi vay trái phiếu	2.100.000.000	-
		Lãi vay	880.447.364	887.995.134
Creed Investments VN-1 Ltd.	Cổ đông lớn	Lãi vay trái phiếu	17.912.945.556	10.976.288.334
		Thu tiền phát hành trái phiếu	-	65.352.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Công ty Cổ phần Nhịp cầu Địa ốc	Bên liên quan	Chia cổ tức	1.194.000.000	-
		Lãi cho vay	2.439.861.111	-
		Thu hồi cho vay	34.700.000.000	-
		Tạm ứng phí môi giới	10.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng</i>				
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao Thông 5	Cổ đồng	Phải thu dự án BOT Sài Gòn - Trung Lương	<u>2.582.526.019</u>	<u>2.582.526.019</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc	Bên liên quan	Tạm ứng phí môi giới	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con	Cho vay vốn hỗ trợ phát triển dự án chung cư City Gate Towers, thời hạn trả nợ theo tiến độ dự án, lãi suất 13,5%/năm	426.141.000.000	426.141.000.000
		Lãi cho vay vốn hỗ trợ sản xuất kinh doanh	45.215.312.010	35.528.807.838
Công ty Cổ phần Công nghiệp NBB	Công ty con	Cho vay không lãi suất hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thời hạn ba tháng	67.230.342.434	66.930.342.434
Công ty Cổ phần Nhịp cầu Địa ốc	Bên liên quan	Cho vay vốn hỗ trợ sản xuất kinh doanh, lãi suất 10%/năm	30.739.861.111	56.000.000.000
			<u>569.326.515.555</u>	<u>584.600.150.272</u>
<i>Các khoản phải thu dài hạn khác</i>				
Công ty CII	Cổ đông lớn	Ứng trước lợi nhuận dự án NBB Garden I	100.067.648.226	55.273.737.400
<i>Phải trả người bán</i>				
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn Highland	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	572.912.766	572.912.766
<i>Dài hạn</i>				
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao Thông 5	Cổ đông	Tiền bản quyền thương hiệu	3.300.000.000	3.300.000.000
			<u>3.872.912.766</u>	<u>3.872.912.766</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>VND</i>				
Các khoản phải trả khác				
<i>Ngắn hạn</i>				
Cổ đông		Cổ tức	110.567.495.000	64.192.271.600
Công ty CII	Cổ đông lớn	Tiền hỗ trợ sản xuất kinh doanh Mua công ty con	60.430.361.322 430.000.000.000	57.614.474.592 -
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty con	Mượn vốn hỗ trợ sản xuất kinh doanh	18.817.855.000	18.835.855.000
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con	Mượn vốn hỗ trợ sản xuất kinh doanh	17.417.783.938	17.417.783.938
Beira Limited	Cổ đông lớn	Phải trả không chuyển đổi cổ phần ưu đãi sang cổ phần phổ thông	11.362.020.175	22.615.907.572
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty con	Mượn vốn hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6.427.405.635	6.736.342.203
			<u>655.022.921.070</u>	<u>187.412.634.905</u>
<i>Dài hạn</i>				
Công ty CII	Cổ đông lớn	Tiền nhận góp vốn dự án NBB Garden I Tiền nhận góp vốn dự án khu du lịch Ocean Golf - lagi	260.487.200.000 44.771.989.705	165.987.200.000 -
			<u>305.259.189.705</u>	<u>165.987.200.000</u>
			<u>960.282.110.775</u>	<u>353.399.834.905</u>
Trái phiếu thường				
Creed Investments VN-1 Ltd.,	Cổ đông lớn	Trái phiếu thường	354.322.000.000	354.322.000.000
Trái phiếu chuyển đổi				
Beira Limited	Cổ đông lớn	Trái phiếu chuyển đổi	52.500.000.000	52.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	<u>1.620.000.000</u>	<u>885.600.000</u>

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và thuê nhà theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dưới 1 năm	1.937.454.545	1.930.909.091
Từ 1 đến 5 năm	<u>6.036.363.636</u>	<u>6.963.636.364</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.973.818.181</u>	<u>8.894.545.455</u>

28. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ hiện hành. Chi tiết như sau:

	VND		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (đã trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (trình bày lại)</i>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Hàng tồn kho	398.398.630.898	1.718.271.227.566	2.116.669.858.464
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	1.718.271.227.566	(1.718.271.227.566)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Người lập
Nguyễn Văn Minh

Kế toán trưởng
Trương Hải Đăng Khoa



Giám đốc Điều hành
Đoàn Tường Triệu

Ngày 29 tháng 8 năm 2016